

THÔNG BÁO

Kết quả sát hạch thực hành soạn giáo án kỳ xét duyệt hợp đồng lao động vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập

Thực hiện Công văn số 2493/SNV-CCVC ngày 18/12/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn ký kết hợp đồng lao động vào làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập; Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc thành lập Hội đồng xét duyệt hợp đồng lao động vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc thị xã,

Hội đồng xét duyệt hợp đồng lao động thông báo kết quả sát hạch thực hành soạn giáo án kỳ xét duyệt hợp đồng lao động tới các thí sinh tham dự xét duyệt (*Có biểu kết quả điểm sát hạch thực hành soạn giáo án của các thí sinh kèm theo*).

Hội đồng xét duyệt hợp đồng lao động vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp Giáo dục công lập thị xã Quảng Yên nhận **Đơn đề nghị xem lại điểm học tập toàn khóa (Điểm xếp hạng tốt nghiệp)** của các thí sinh trong giờ hành chính từ ngày 24/01/2018 đến hết ngày 30/01/2018 (*Qua bộ phận Tổ chức cán bộ, Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên*). Hội đồng xét duyệt hợp đồng lao động không giải quyết đối với đơn đề nghị nhận được sau thời hạn quy định nêu trên hoặc đơn đề nghị gửi bằng thư điện tử, Fax, Telex.

Hội đồng xét duyệt hợp đồng lao động vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc thị xã thông báo để các thí sinh được biết./.

(*Kết quả được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của thị xã Quảng Yên và Phòng Giáo dục Đào tạo thị xã*)./. *Bol*

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND thị xã (để b/c);
- Các thành viên HĐXD;
- Các thí sinh dự xét duyệt;
- Trang TTĐT thị xã; PGD&ĐT;
- Lưu: HĐXD.

TM. HĐ XÉT DUYỆT HĐLĐ
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Đỗ Mạnh Hùng

KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH SOẠN GIÁO ÁN KỲ XÉT DUYỆT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CÔNG LẬP

(Kèm theo Thông báo số 07/TB-HĐXD ngày 22/01/2018 của Hội đồng xét duyệt hợp đồng lao động thị xã Quảng Yên)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành, chuyên môn			Ngoại ngữ		Tin học	Trường đăng ký dự tuyển	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm HT toàn khóa	Điểm thực hành soạn giáo án	Tổng số điểm	Ghi chú
				Trình độ	Ngành/ C.Ngành	Loại TN	Tiếng	Trìn h độ								
I		Giáo viên mầm non														
1	1	Phạm Thị Hạnh	18/7/1997	Trung cấp	Sư phạm mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Hoa Hồng	Thôn Núi Thùa, xã Tiên An		66,0	89,5	155,5	
2	2	Đặng Thị Loan	10/11/1990	Đại học	Giáo dục mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Hoa Hồng	Thôn 7, xã Sông Khoai		66,2	95,0	161,2	
3	3	Nguyễn Thị Bưởi	01/01/1996	Trung cấp	Sư phạm mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Cộng Hòa	Khu Đông Vông, P. Cộng		66,0	86,0	152,0	
4	4	Bùi Huyền Trang	17/4/1996	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Cộng Hòa	Khu 4, phường Yên Giang	Dân tộc Tày	62,9	68,0	130,9	
5	5	Đinh Thị Thu Vân	28/9/1985	Trung cấp	Sư phạm mầm non	Khá	Anh	B	B	Mầm non Sông Khoai	Nguyễn Bình, P. Quảng Yên		73,0	80,0	153,0	
6	6	Hà Thị Thu	24/6/1995	Trung cấp	Sư phạm mầm non	Khá	Anh	B	B	Mầm non Sông Khoai	Khu Trại Trang, P. Cộng Hòa		79,0	88	167,0	
7	7	Nguyễn Thị Nhung	12/02/1996	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Sông Khoai	40 Hoàng Văn Thụ, TT Đầm		62,8	71,0	133,8	
8	8	Phạm Thị Hoàng Anh	07/5/1995	Trung cấp	Sư phạm mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Sông Khoai	Khu 3, Phường Yên Giang		65,0	65,0	130,0	
9	9	Đặng Thị Hạnh	08/9/1991	Trung cấp	Sư phạm mầm non	Khá	Anh	B	B	Mầm non Đông Mai	Phường Đông Mai, QY, QN		76,0	83,0	159,0	
10	10	Đinh Ngọc Huyền	14/01/1995	Trung cấp	Sư phạm mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Đông Mai	Khu 7, phường Nam Hòa		66,0		66,0	Bỏ thi
11	11	Lê Thị Thơm	13/12/1994	Trung cấp	Sư phạm mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Minh Thành	Xã Liên Vị, QY, QN		68,0	90,5	158,5	
12	12	Nguyễn Thị Xuân Hòa	11/4/1992	Trung cấp	Sư phạm mầm non	Khá	Anh	B	B	Mầm non Minh Thành	Xã Hiệp Hòa, QY, QN		77,0	78,0	155,0	
13	13	Lê Hà Phương	02/12/1996	Trung cấp	Sư phạm mầm non	TB	Anh	B	B	Mầm non Minh Thành	Xóm 5, xã Liên Hòa		61,0	75,5	136,5	
14	14	Ngô Thị Thanh Hà	31/01/1995	Trung cấp	Sư phạm mầm non	Khá	Anh	B	B	Mầm non Hà An	Khu 8, phường Hà An, QN		77,0	88,5	165,5	
15	15	Đặng Thị Phương	27/8/1992	Đại học	Giáo dục mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Hà An	Khu 2, phường Yên Hải		67,4	81,0	148,4	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành, chuyên môn			Ngoại ngữ		Tin học	Trường đăng ký dự tuyển	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm HT toàn khóa	Điểm thực hành soạn giáo án	Tổng số điểm	Ghi chú
				Trình độ	Ngành/ C.Ngành	Loại TN	Tiếng	Trìn h độ								
16	16	Nguyễn Thị Hương	23/3/1994	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Hà An	Khu 5, phường Hà An		68,4	83,0	151,4	
17	17	Nguyễn Thị Thảo	12/04/1994	Đại học	Giáo dục mầm non	TB	Anh	B	B	Mầm non Tân An	Thôn 3, xã Hoàng Tân		59,2	91	150,2	
18	18	Nguyễn Thị Huyền	20/02/1993	Đại học	Giáo dục mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Tân An	Thôn 2, xã Hoàng Tân		63,1	95	158,1	
19	19	Vũ Thị Huệ	23/4/1993	Trung cấp	Sư phạm mầm non	Khá	Anh	B	B	Mầm non Tân An	Khu Thống Nhất, P.Tân An		70,0	89,5	159,5	
20	20	Lê Thị Mái	23/11/1992	Trung cấp	Giáo dục mầm non	Khá	Anh	B	B	Mầm non Tân An	Thôn 3, xã Hoàng Tân		71,0	95,5	166,5	
21	21	Hoàng Thị Lương	20/6/1986	Trung cấp	Sư phạm mầm non	Khá	Anh	B	B	Mầm non Tân An	Xóm Bắc, xã Liên Vị		72,0	90,5	162,5	
22	22	Nguyễn Thị Linh	11/8/1994	Trung cấp	Sư phạm mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Yên Hải	Khu 5, P. Yên Hải		65,0	91,3	156,3	
23	23	Đàm Thị Dịu	25/3/1996	Trung cấp	Sư phạm mầm non	Giỏi	Anh	B	B	Mầm non Yên Hải	Khu 7, P. Yên Hải		80,0	51,8	131,8	
24	24	Phạm Thị Dịu	20/12/1995	Trung cấp	Sư phạm mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Cẩm La	Thôn Cẩm Lũy, xã Cẩm La		65,0	84,0	149,0	
25	25	Nguyễn Thu Hương	20/02/1993	Trung cấp	Sư phạm mầm non	Khá	Anh	B	B	Mầm non Cẩm La	Xã Liên Hòa, QY, QN		72,0	85,5	157,5	
26	26	Nguyễn Thị Sâm	02/06/1984	Trung cấp	Sư phạm mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Cẩm La	Xóm Bắc, xã Liên Vị		67,0	85,5	152,5	
27	27	Đặng Thị Thùy Dung	03/7/1992	Trung cấp	Sư phạm mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Phong Cốc	Thôn Vị Khê, xã Liên Vị		68,0	98,0	166,0	
28	28	Ngô Thị Yến	05/8/1991	Trung cấp	Sư phạm mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Phong Cốc	Thôn Vị Dương, xã Liên Vị		67,0	84,5	151,5	
29	29	Nguyễn Thị Nhó	05/8/1995	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	Khá	Anh	B	B	Mầm non Phong Cốc	Khu 7, phường Nam Hòa		73,7	94,0	167,7	
30	30	Bùi Thị Thường	23/12/1982	Trung cấp	Sư phạm mầm non	Khá	Anh	B	B	Mầm non Phong Hải	Khu 5, phường Phong Hải	Con TB 2/4	72,0	88,0	160,0	
31	31	Bùi Thị Cẩm Chi	04/10/1995	Trung cấp	Giáo dục mầm non	TB khá	Anh	B	B	Mầm non Phong Hải	Khu 1, phường Phong Cốc		71,0	91,0	162,0	
II		Giáo viên dạy văn hóa tiểu học														
1	32	Trịnh Hương Lan	15/12/1996	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	Khá	Anh	B	B	Tiểu học Yên Giang	Khu 2, phường Quảng Yên		72,0	77,5	149,5	
2	33	Vũ Thị Hậu	18/8/1988	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	TB khá	Anh	B	B	Tiểu học Yên Giang	Cẩm Lũy, Cẩm La, QY, QN		68,6	60,0	128,6	

[illegible]

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành, chuyên môn			Ngoại ngữ		Tin học	Trường đăng ký dự tuyển	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng ưu tiên	Điểm HT toàn khóa	Điểm thực hành soạn giáo án	Tổng số điểm	Ghi chú
				Trình độ	Ngành/ C.Ngành	Loại TN	Tiếng	Trìn h độ								
1	52	Nguyễn Thị Thùy Dương	07/11/1989	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Khá	Trung	B	B	Tiểu học Tiền An	Thôn 1, xã Hiệp Hòa		73,7	41,0	114,7	
2	53	Dương Thị Đù	23/01/1985	Đại học	Tiếng Anh	TB khá	Trung	B	B	Tiểu học Tiền An	Khu 3, phường Quảng Yên		63,8	47,5	111,3	
3	54	Ngô Thị Loan	04/01/1989	Cao đẳng	Tiếng Anh	TB khá	Nga	B	B	Tiểu học Tiền An	Khu 7, phường Phong Cốc		63,5	42,0	105,5	
4	55	Nguyễn Thị Thắm	04/02/1991	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	Trung	B	TT03	Tiểu học Tiền An	Khu 7, phường Phong Cốc		73,0	65,5	138,5	

(Danh sách có 55 người)